

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM: HIỆU ỨNG THÁNG GIAO DỊCH

PGS.TS Trần Đăng Khâm, Ths. Vũ Thị Thúy Vân

Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: thuyvan1507@gmail.com

Bài viết nghiên cứu sự xuất hiện của hiệu ứng Tháng giao dịch trong năm (The month of the year effect) trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Mô hình hồi quy biến giả được áp dụng với chuỗi dữ liệu lợi tức của thị trường từ năm 2000 đến năm 2011. Kết quả cho thấy sự xuất hiện của hiệu ứng tháng giao dịch trong năm. Kết quả này bổ sung thêm vào những luận cứ chứng minh: thị trường chứng khoán Việt Nam không đạt mức hiệu quả yếu.

Từ khóa: Hiệu ứng tháng giao dịch, Mô hình biến giả, Thị trường hiệu quả.

1. Đặt vấn đề

Giả thuyết thị trường hiệu quả (EMH – efficient markets hypothesis), lần đầu tiên được Eugene Fama đưa ra vào những năm 1970 trong bài viết “Efficient Capital Markets: A Review of Theory and Empirical Work”. Đây là một công trình có ý nghĩa quan trọng, mở đường cho nhiều nghiên cứu khác về Lý thuyết thị trường hiệu quả. Fama (1970) cho rằng: “Thị trường mà tại đó giá cả luôn phản ánh những thông tin sẵn có, được gọi là thị trường hiệu quả”. Nếu thị trường chứng khoán hiệu quả, các nguồn lực sẽ được phân phối một cách tốt nhất. Do vậy, các nhà quản lý sẽ luôn tìm cách để đảm bảo cho thị trường đạt hiệu quả. Bên cạnh đó, nếu thị trường hiệu quả thì các nhà đầu tư không nên lãng phí thời gian trong việc phân tích cổ phiếu, mà thay

vào đó, các nhà đầu tư nên đa dạng hóa các danh mục đầu tư hoặc sử dụng chiến lược để giảm thiểu thời gian và chi phí giao dịch.

Rất nhiều nghiên cứu đã minh chứng thị trường chứng khoán không hiệu quả với biểu hiện ở những yếu tố bất thường như hiệu ứng ngày giao dịch trong tuần, hiệu ứng tháng trong năm, ... Các hiệu ứng này là những biến động bất thường của lợi tức chứng khoán trong tuần hay trong tháng. Nếu có hiệu ứng tuần, hiệu ứng tháng xuất hiện chứng tỏ thị trường không hiệu quả.

Các nghiên cứu của Keim (1983), Ariel (1987) đã khẳng định sự tồn tại của hiệu ứng tháng giao dịch tại thị trường chứng khoán Mỹ và một số thị trường phát triển khác. Đặc biệt, phần lớn các nghiên cứu này đều xác định sự xuất hiện của hiệu ứng tháng

Bảng 1: Các nghiên cứu về hiệu ứng tháng giao dịch trong năm

Tác giả	Sở giao dịch chứng khoán	Giai đoạn nghiên cứu	Kết quả
Rozeff và Kinney (1976)	New York	1904 - 1975	Lợi tức trung bình tháng Giêng đạt 3.5% trong khi các tháng khác là 0.5%
Berges và các cộng sự (1984)	Canada	1951 - 1980	Có sự xuất hiện của Hiệu ứng tháng Giêng
Kato, Schallheim (1985)	Tokyo	-	Có sự xuất hiện của Hiệu ứng tháng giao dịch
Wong, Ho, Dollery (2007)	Malaysia	1994 - 2006	Có sự xuất hiện của Hiệu ứng tháng Hai trong giai đoạn đầu và hiệu ứng tháng Giêng trong giai đoạn sau
Imad.A.Moosa (2007)	New York	1970 - 2005	Có sự xuất hiện của Hiệu ứng tháng Giêng, ngoại trừ giai đoạn 1990 – 2005
Bahadur và Joshi (2005)	Nepan	1995 -2004	Có sự xuất hiện của Hiệu ứng tháng giao dịch trong năm

Nguồn: www.eurojournals.com

Giêng. Hiệu ứng tháng Giêng là một hiện tượng bất thường trên thị trường tài chính: giá chứng khoán tăng trong tháng Giêng. Điều này tạo ra một cơ hội cho các nhà đầu tư mua cổ phiếu với giá thấp hơn trước tháng Giêng và bán khi chứng khoán tăng giá. Vì vậy, các đặc điểm chính của hiệu ứng tháng Giêng là sự gia tăng mua chứng khoán trước khi kết thúc năm với một mức giá thấp hơn, và bán chứng vào tháng Giêng để tạo ra lợi nhuận từ chênh lệch giá. Đây là mô hình hành vi giá cả chứng minh thực tế là thị trường chứng khoán không hoàn toàn hiệu quả. Trên thực tế, hiệu ứng tháng Giêng đã được Watchel đưa ra từ năm 1942 dựa trên việc nghiên cứu thị trường chứng khoán Mỹ. Sau đó, Rozeff và Kinney (1976) đã phân tích lợi tức của các chứng khoán niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán New York giai đoạn 1904 đến 1974 và nhận thấy lợi tức trong 15 ngày đầu của tháng 1 cao hơn các tháng còn lại trong năm. Một số nghiên cứu khác của Keim (1983), Ariel (1987) cũng đã chỉ ra sự xuất hiện của hiệu ứng tháng giao dịch tại Mỹ và một số thị trường phát triển khác.

Một vài nghiên cứu gần đây của Lim Boon Keong và các cộng sự (2010) về hiệu ứng tháng giao dịch tại một số nước châu Á cũng đã chứng minh: không chỉ có sự xuất hiện của hiệu ứng tháng Giêng, tại một số nước còn xuất hiện hiệu ứng tháng Mười Hai và hiệu ứng tháng Mười. Lợi tức bình quân của các tháng này cao hơn các tháng còn lại trong năm. Hiệu ứng tháng Mười bắt nguồn từ Mỹ và còn có tên gọi khác là hiệu ứng Halloween (Halloween effect). Hiệu ứng tháng Mười là việc mua chứng khoán trong giai đoạn từ tháng 11 đến tháng 4 thường tạo ra tỷ suất sinh lợi cao hơn việc mua chứng khoán trong giai đoạn từ tháng 5 đến tháng 10. Đặc biệt, hiệu ứng này không chỉ xuất hiện tại Mỹ mà còn xuất hiện ở một số nước mà ngày Halloween không phải ngày lễ truyền thống như Nhật, Úc,... Fountas, Segredakis (2002) và Balaban (1995) đã tìm ra những bằng chứng về lợi tức thấp trong tháng Mười tại Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ. Bên cạnh đó, Bhra và các cộng sự (1999) đã nghiên cứu dữ liệu giao dịch từ năm 1980 đến năm 1994 và phát hiện ra hiệu ứng tháng Mười Hai trên thị trường chứng khoán NYSE. Những kết quả này đã chứng minh tính không hiệu quả của thị trường chứng

khoán. Những sự kiện bất thường vẫn tác động đến quyết định của các nhà đầu tư. Vậy, những hiệu ứng này liệu có tồn tại trên thị trường chứng khoán Việt Nam? Bài viết nghiên cứu sự xuất hiện của hiệu ứng tháng giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh dựa trên mô hình biến giá. Kết quả của nghiên cứu được lý giải dựa trên Lý thuyết tài chính hành vi.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để kiểm định hiệu ứng tháng giao dịch trong năm trên thị trường chứng khoán Việt Nam, tác giả đã sử dụng dữ liệu đại diện của Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2000 đến năm 2011. Sự ra đời của Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM là điểm mốc quan trọng đánh dấu sự hiện diện của thị trường giao dịch chứng khoán tập trung đầu tiên ở Việt Nam.

Lợi tức của thị trường được tính toán dựa trên chuỗi dữ liệu VN-Index của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Biên quan sát được xác định như sau:

$$F^{ij} = G \frac{Y^i Y^j}{D^{ij}}$$

Trong đó:

RVNINDEX = lợi tức thị trường trong giai đoạn quan sát

PI_t = chỉ số giá tại thời điểm t

PI_{t-1} = chỉ số giá tại thời điểm t-1

\ln = log tự nhiên

Kết quả kiểm định sẽ đáng tin cậy hơn khi các dữ liệu được phân tích sâu. Do đó, căn cứ vào quá trình phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam, tác giả đã tách chuỗi dữ liệu thành hai giai đoạn, trước và sau khi Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội chính thức khai trương sàn giao dịch cổ phiếu niêm yết tháng 07/2005. Như vậy, các chuỗi số liệu được đưa ra kiểm định bao gồm:

- Chuỗi VN Index từ ngày 28/7/2000 đến ngày 31/12/2011

- Chuỗi VN Index 1 từ ngày 28/7/2000 đến ngày 13/7/2005

- Chuỗi VN Index 2 từ ngày 14/7/2005 đến

31/12/2011.

Để kiểm định hiệu ứng tháng giao dịch, tác giả sử dụng mô hình hồi quy với biến giả. Mô hình này đã được Bahadur, Joshi (2005), Pandey (2002) và Nousheen Zafar, Syeda Faiza Urooj, Syed Umar Farooq (2010) sử dụng để kiểm định hiệu ứng.

$$RVNINDEX = \beta_0 + \beta_1 d2t + \beta_2 d3t + \beta_3 d4t + \beta_4 d5t + \beta_5 d6t + \beta_6 d7t + \beta_7 d8t + \beta_8 d9t + \beta_9 d10t + \beta_{10} d11t + \beta_{11} d12t + \varepsilon_t$$

Trong đó:

RVNINDEX: lợi tức thị trường trong giai đoạn quan sát

dit: Giá trị biến giả từ tháng Hai đến tháng Mười Hai

β_i : Hệ số phản ánh ý nghĩa của lợi tức từ tháng 1 đến tháng 12

ε_t : Sai số của giai đoạn quan sát

Trong đó, tháng Giêng được coi là tháng cơ sở. Hệ số β_0 thể hiện lợi tức trung bình của tháng Giêng. Các hệ số từ β_1 đến β_{11} là cơ sở để đo lường sự khác biệt về lợi tức của các tháng khác so với tháng cơ sở. Nếu các hệ số này bằng nhau và bằng 0, mô hình không có hiệu ứng mùa vụ.

$$H_0: \beta_1 = \beta_2 = \beta_3 = \beta_4 = \beta_5 = \beta_6 = \beta_7 = \beta_8 = \beta_9 = \beta_{10} = \beta_{11} = 0$$

Nếu có ít nhất một giá trị đặc biệt sẽ xác định sự tồn tại của hiệu ứng tháng giao dịch trong năm. Các tháng sử dụng trong mô hình theo lịch dương.

3. Kết quả phân tích

Thống kê mô tả chuỗi dữ liệu

Nhìn vào bảng thống kê 2 và Hình 1 mô tả chuỗi dữ liệu có thể nhận thấy, trong giai đoạn từ năm 2000 – 2011, tháng 2, tháng 7 và tháng 8 là ba tháng có lợi tức trung bình âm. Mức lợi tức trung bình cao nhất trong cả giai đoạn là tháng 10, tháng 1 và tháng 12 (trương ứng là 0.31427; 0.23003 và 0.22983). Mức độ phân tán của lợi tức cao nhất là tháng 8 và thấp nhất là tháng 11. Đặc biệt, trong cả ba giai đoạn, mức lợi tức trung bình của tháng 7 đều âm, trong khi lợi tức trung bình của tháng 1 và tháng 4 đều dương.

Kết quả hồi quy

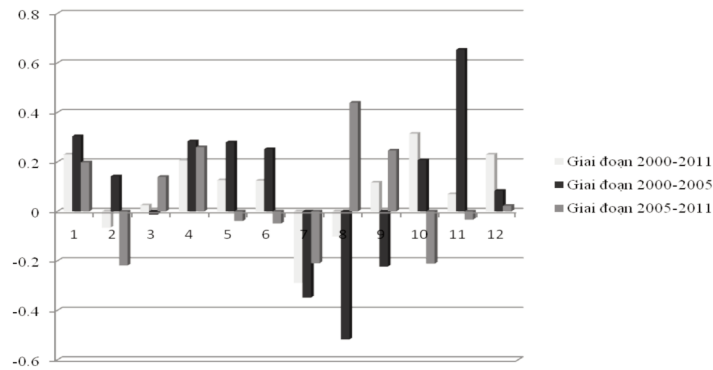
Kết quả hồi quy bảng 3 cho thấy, trong giai đoạn đầu của thị trường chứng khoán Việt Nam (2000-2005), hệ số β của các tháng đều âm, ngoại trừ β_0 (0.280501) và β_{10} (0.233522). Tuy nhiên cả hai hệ số này đều không có ý nghĩa thống kê. Như vậy có thể thấy không có sự xuất hiện của hiệu ứng tháng Giêng. Đặc biệt trong giai đoạn đầu, lợi tức trung bình của ba tháng: tháng 7, tháng 8 và tháng 9 đều

Bảng 2: Thống kê mô tả chuỗi dữ liệu

Giai đoạn	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12
2000-2011												
Trung bình	0.23003	-0.0654	0.02498	0.20608	0.12648	0.1242	-0.2886	-0.1011	0.11672	0.31427	0.06964	0.22983
Trung vị	0.03221	-0.0922	0.08414	0.0816	0	0.06581	-0.2017	0	-0.0434	0.16765	-0.1208	0.17087
Độ lệch chuẩn	1.84422	1.92795	1.86137	1.76201	1.65755	1.70031	1.8407	2.31664	1.45411	1.53927	1.43783	1.62967
Số tháng	11	11	11	11	11	11	12	12	12	12	12	12
2000-2005												
Trung bình	0.30413	0.1418	-0.013	0.28362	0.27938	0.25197	-0.3484	-0.5177	-0.2233	0.20683	0.65351	0.08323
Trung vị	0	-0.0607	-0.1858	0.26908	0.11475	0.0401	-0.2026	-0.1052	-0.1412	0	0.42207	-0.0543
Độ lệch chuẩn	1.46833	1.62636	1.27147	1.31957	1.00961	2.05395	2.1318	2.92042	1.69798	1.77685	1.31873	1.40228
Số tháng	5	5	5	5	5	5	6	5	5	5	5	5
2005-2011												
Trung bình	0.19829	-0.2187	0.13969	0.25958	-0.0389	-0.0491	-0.2095	0.43951	0.24639	-0.2114	-0.0332	0.02282
Trung vị	0.03243	-0.1049	0.71743	0.32433	-0.2057	0.05717	-0.1997	0.21868	0.21031	-0.0416	-0.2367	0.06442
Độ lệch chuẩn	2.12698	2.11899	2.34589	2.05752	2.18333	1.84429	1.90431	1.66915	1.93303	1.81318	1.96352	1.7738
Số tháng	6	6	6	6	6	6	7	7	7	7	7	7

Nguồn: Tác giả tính toán dựa trên dữ liệu www.cophieu68.com và phần mềm thống kê Eviews

Hình 1: So sánh lợi tức bình quân từ tháng 1 đến tháng 12



Nguồn: Tác giả tính toán dựa trên dữ liệu www.cophieu68.com và phần mềm thống kê Eviews

biến động ngược chiều so với lợi tức trung bình của tháng 1 (các hệ số $\beta_6, \beta_7, \beta_8$ âm và có ý nghĩa thống kê). Điều này cho thấy giả thuyết lợi tức trung bình của các tháng bằng nhau được loại bỏ. Như vậy, giai đoạn 2000 – 2005, thị trường có dấu hiệu bất thường của tháng 7, tháng 8 và tháng 9.

Tuy nhiên, *giai đoạn 2005-2011*, các giá trị hồi quy có nhiều biến động. Hiệu ứng tháng Giêng cũng không xuất hiện trong giai đoạn này (β_0 không có ý nghĩa thống kê). Bên cạnh đó, dấu hiệu bất thường của lợi tức trung bình tập trung vào tháng Hai và tháng Bảy. Mức biến động lợi tức của cả hai tháng đều âm so với tháng Giêng.

Trong toàn bộ *giai đoạn 2000-2011*, giá trị β_0 dương và có ý nghĩa thống kê ($\beta_0 = 0.231094$; $P_value = 0.0666 < 0.1$). Điều này cho thấy sự xuất hiện của hiệu ứng tháng Giêng. Đặc biệt giai đoạn này, β_6 tiếp tục âm và có ý nghĩa thống kê, cho thấy dấu hiệu bất thường của tháng 7 trong suốt cả ba chuỗi dữ liệu phân tích.

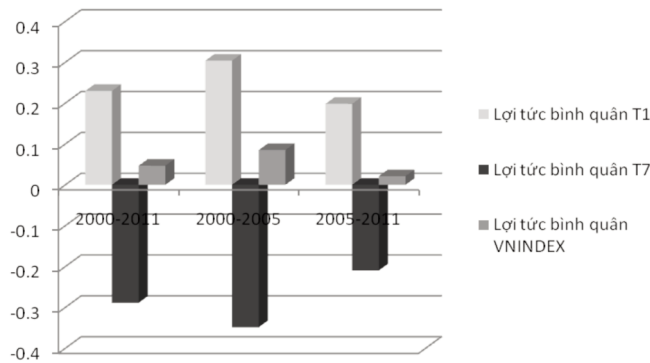
Như vậy, kết quả kiểm định cho thấy, thị trường có sự xuất hiện của hiệu ứng tháng Giêng. Tuy nhiên, dấu hiệu này không xuất hiện trong từng giai đoạn mà chỉ được phát hiện khi tiến hành hồi quy cả giai đoạn (2000- 2011). Trong từng giai đoạn, hiệu ứng tháng Giêng không xuất hiện có thể do quy mô

Bảng 3: Kết quả mô hình hồi quy cho hiệu ứng tháng giao dịch trong năm

Giá trị	Hệ số β			Thống kê T			P_value		
	2000-20005	20005-2011	2000-2011	2000-20005	20005-2011	2000-2011	2000-20005	20005-2011	2000-2011
C	0.280501	0.199423	0.231094	1.520556	1.178113	1.83507	0.1287	0.2389	0.0666
D2	-0.138702	-0.418114	-0.296523	-0.524329	-1.65826	-1.60595	0.6002	0.0975	0.1084
D3	-0.184336	-0.138433	-0.154986	-0.756979	-0.59754	-0.91301	0.4492	0.5502	0.3613
D4	-0.051767	0.052383	0.010335	-0.209287	0.217875	0.059248	0.8343	0.8276	0.9528
D5	-0.106282	-0.303648	-0.212286	-0.430692	-1.27643	-1.2252	0.6668	0.202	0.2206
D6	-0.085919	-0.217479	-0.145698	-0.350547	-0.93208	-0.85157	0.726	0.3514	0.3945
D7	-0.5564	-0.383568	-0.450769	-2.233174	-1.68312	-2.65545	0.0257	0.0925	0.008
D8	-0.692408	0.114787	-0.185489	-2.779057	0.511898	-1.10385	0.0055	0.6088	0.2698
D9	-0.463224	-0.030442	-0.204567	-1.819996	-0.13316	-1.21955	0.069	0.8941	0.2227
D10	-0.103322	-0.354278	-0.136693	-0.417717	-1.57326	-0.82053	0.6762	0.1159	0.412
D11	0.233522	-0.343859	-0.327341	0.932544	-1.5248	-1.94278	0.3513	0.1275	0.0521
D12	-0.184112	-0.142329	-0.058586	-0.74257	-0.63295	-0.33625	0.4579	0.5269	0.7367
R2	0.023203	0.009104	0.005248	Độ tin cậy 90%					
Thống kê F	2.295526	1.333852	1.28105						
P_value (Thống kê F)	0.008931	0.19926	0.228698						

Nguồn: Tác giả tính toán dựa trên dữ liệu www.cophieu68.com và phần mềm thống kê Eviews

Hình 2: Lợi tức bình quân của tháng Giêng và tháng Bảy so với lợi tức bình quân của VNINDEX



Nguồn: Tác giả tính toán dựa trên dữ liệu www.cophieu68.com và phần mềm thống kê Eviews

lợi tức thị trường nhỏ. Bên cạnh đó, kết quả phân tích cũng chỉ ra rằng tháng 7 có sự sụt giảm về lợi tức trung bình rõ nhất so với các tháng khác trong năm. Những kết quả trên có thể khẳng định: Thị trường chứng khoán Việt Nam không hiệu quả.

4. Luận giải hiệu ứng tháng giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam

Thứ nhất, hiệu ứng tháng Giêng xuất hiện trên thị trường chứng khoán Việt Nam có thể giải thích do tâm lý kỳ vọng của nhà đầu tư vào đầu năm mới. Tại một số nước, hiệu ứng tháng Giêng được giải thích do việc nhà đầu tư bán chứng khoán đang lỗ để được bù thuế trong tháng 12 và mua lại vào tháng 1. Tuy nhiên, ở Việt Nam, hiệu ứng này xuất hiện liên quan chặt chẽ đến hành vi của các nhà đầu tư trên thị trường.

Thứ hai, sự xuất hiện của dấu hiệu bất thường trong tháng 7 có thể giải thích do yếu tố tâm lý của nhà đầu tư trong việc đưa ra quyết định. Điều này cũng phù hợp với kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả Hồ Quốc Tuấn- Phùng Đức Nam (2008- Đại học Kinh tế Tp.HCM). Một số giả định được nhóm tác giả đưa ra để giải thích hiện tượng này như cấu trúc vi mô của thị trường, yếu tố văn hóa,...

Bên cạnh đó, hiện tượng lợi tức sụt giảm trong tháng 7 có thể xuất phát từ tâm lý mua bán chứng khoán của các nhà đầu tư phương Đông. Thời điểm tháng 7 âm lịch (tháng 8 dương lịch) được coi là tháng “cô hồn”, theo quan điểm của một số cá nhân đây là tháng kiêng việc làm ăn và đầu tư. Do đó, tháng 7 dương lịch (tháng 6 âm lịch) là thời điểm mà các nhà đầu tư bắt đầu giảm giao dịch, hoặc bán

cổ phiếu chốt lời. Không chỉ có chứng khoán, tháng 7 được coi là tháng thường xuyên mang lại lợi tức âm cả trong lĩnh vực bất động sản. Bên cạnh đó, tâm lý đám đông của nhà đầu tư Việt Nam lớn, do đó kéo theo những quyết định đầu tư bầy đàn, làm sai lệch giá trị của chứng khoán trên thị trường. Nhà đầu tư lúc này không quan tâm nhiều đến thông tin, mà thường quyết định dựa trên cảm tính.

Như vậy, có thể thấy nguyên nhân của cả hai dấu hiệu bất thường trong tháng Giêng và tháng Bảy xuất phát từ tâm lý bầy đàn của nhà đầu tư, số lượng nhà đầu tư cá nhân trên thị trường chứng khoán Việt Nam lớn, thông tin trên thị trường không minh bạch. Đặc biệt, tâm lý đám đông (tâm lý bầy đàn) là hiện tượng phổ biến trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đây có thể là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến sự xuất hiện của các hiệu ứng đặc biệt trong năm trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Tâm lý bầy đàn xuất hiện khi nhà đầu tư này hành động theo nhà đầu tư khác mà không quan tâm đến các thông tin mình có. Hành động này có thể dẫn đến việc giá trị thị trường vượt xa giá trị thực, do đó làm tăng mức độ biến động đột ngột, mất ổn định thị trường. Nhà đầu tư Việt Nam thường đưa ra các quyết định đầu tư không hợp lý khi các cổ phiếu mua về có tỷ suất sinh lời thấp hơn các cổ phiếu bán đi. Hành vi bầy đàn có thể xuất hiện trên bất cứ loại cổ phiếu nào của thị trường mà không phụ thuộc vào các yếu tố khác như giá trị vốn hóa, khối lượng giao dịch,...

5. Kết luận

Sự xuất hiện của hiệu ứng tháng giao dịch trên

Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã chứng tỏ: thị trường không hiệu quả, biểu hiện rõ nhất là những bất thường về lợi tức giao dịch trong tháng 7.

Trong thời gian tới, để nâng cao tính hiệu quả của thị trường chứng khoán Việt Nam cũng như hạn chế hành vi bầy đàn của nhà đầu tư trên thị trường, tác giả đưa ra một số khuyến nghị sau:

Tăng cường năng lực của nhà đầu tư: Mặc dù các nhà đầu tư chứng khoán hiện nay đã phần nào được trang bị những kiến thức cơ bản khi đầu tư vào thị trường, tuy nhiên phần đông nhà đầu tư vẫn thiếu đi những kỹ năng cần thiết như sàng lọc thông tin, sử dụng các công cụ phân tích,... Trong khi đó, nhà đầu tư cá nhân, phần lớn chưa qua đào tạo, những kiến thức mà họ có được chủ yếu thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và các buổi báo cáo. Bên cạnh đó, tâm lý e ngại sẵn có của nhiều nhà đầu tư cho rằng việc trang bị những kiến thức về tính toán, định giá chứng khoán... phức tạp. Chính vì vậy, việc tăng cường năng lực của nhà đầu tư là cần thiết nhằm nâng cao chất lượng của đội ngũ tham gia thị trường. Đồng thời, nhà đầu tư có kiến thức sẽ sàng lọc tốt hơn các thông tin trên thị trường, chủ động hơn trong quá trình ra quyết định đầu tư thay vì tuân theo đám đông.

Nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp về

công bố thông tin: Trên thị trường chứng khoán Việt Nam hiện nay, một số doanh nghiệp có công bố thông tin nhưng chưa thể hiện được chất lượng cụ thể của thông tin. Qua báo cáo tài chính, nhà đầu tư chỉ nhìn thấy được thông tin bên ngoài mà không hiểu cụ thể bản chất của các thông tin đó. Điều này dẫn đến việc nhà đầu tư dễ hoài nghi đối với những thông tin mà doanh nghiệp đưa ra, ảnh hưởng không tốt đến tâm lý đầu tư cũng như diễn biến của thị trường. Đôi khi, nhà đầu tư sẵn sàng từ bỏ các thông tin và giá cả, khối lượng giao dịch, báo cáo tài chính,... hay các công cụ phân tích để bám theo các quyết định đầu tư của người khác. Có thể nói, công bố thông tin vừa là nghĩa vụ, vừa là lợi ích của chính doanh nghiệp. Nếu các doanh nghiệp nhận thức được công bố thông tin cũng là quyền lợi, thị trường sẽ trở nên minh bạch hơn và hiệu quả hơn.

Nâng cao hệ thống mạng truyền thông giữa các bộ phận thị trường: Việc công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng là rất cần thiết, nhất là đối với những người quan tâm đến TTCK. Có thể thấy, đây là một kênh truyền tải thông tin hết sức hiệu quả, đảm bảo tính công khai và dễ dàng tiếp cận của thông tin. Tuy nhiên, thông tin trên TTCK cần phải thông suốt và có sự thống nhất. Sự thống nhất, công khai về thông tin sẽ giúp các nhà đầu tư có khả năng độc lập hơn trong việc ra quyết định đầu tư. □

Tài liệu tham khảo:

1. Ariel, Robert A., A Monthly Effect in Stock Returns, Journal of Financial Economics, Vol.18, (March 1987), 161-174.
2. Balaban, E., Day of the week effects: New evidence from an emerging market, Applied Economics Letters, (1995), 2, 139-143.
3. Lim Boon Keong, David Ng Ching Yat, Chong Hui Ling, Month of the year effects in Asian countries: A 20 – year study (1990 – 2009) (2010)
4. Nousheen Zafar, Syeda Faiza Urooj, Syed Umar Farooq, Karachi Stock Exchange: Testing Month of the Year Effect (2010)
5. Brooks, C. and Persaud, G. Seasonality in Southeast Asian Stock Markets: Some New
6. Evidence on Day-of-the-Week Effects. Applied Economic Letters (2001), Vol 8, 155-158.
7. Hồ Quốc Tuấn - Phùng Đức Nam (2008), Tháng 7 không may mắn, VnEconomy.com.